

CATALOGUE **THIẾT BỊ VIỄN THÔNG**

Telecommunications Equipment

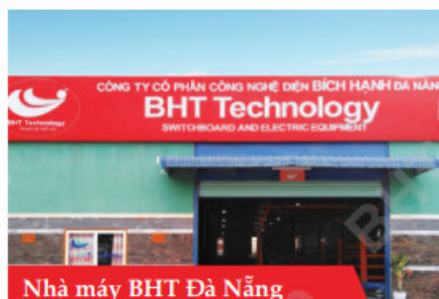




Nhà máy BHT Bình Dương
BHT Binh Duong Factory



Nhà máy BHT Hóa An
BHT Hoa An Factory



Nhà máy BHT Đà Nẵng
BHT Da Nang Factory



Nhà máy BHT Nam Hà
BHT Nam Ha Factory

VỀ CHÚNG TÔI

About Us

BHT Group: nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp tủ bảng điện, thang máng cáp, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông, thiết bị công trình giao thông, kết cấu thép.

Sản phẩm thiết bị viễn thông của chúng tôi bao gồm:

- Các trụ cho ngành viễn thông
- Phụ kiện viễn thông
- Các loại tủ điện dành cho ngành viễn thông
- Trụ camera an ninh giám sát

Được trang bị hệ thống máy móc tiên tiến và tự động hóa cao, đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của mọi dự án. Bên cạnh đó, nhà máy BHT Nam Hà với diện tích hơn 83.000m² đang trong quá trình xây dựng và dự kiến đi vào hoạt động từ tháng quý 1/2026. Đây chính là nền tảng vững chắc giúp BHT Group đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe nhất về chất lượng, tiến độ và quy mô của các dự án lớn.

Chất lượng sản phẩm của BHT Group được khẳng định thông qua các chứng nhận uy tín như:

- Chứng nhận ASTA Fullrange - Full type test.
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.
- Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
- Và nhiều giải thưởng, chứng nhận uy tín khác.

Với sứ mệnh mang đến những giải pháp kỹ thuật tiên tiến, BHT Group đã và đang không ngừng đổi mới. Nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng và góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành viễn thông.

BHT Group: a leading manufacturer in Vietnam specializing in the production and supply of electrical switchboards, cable trays and ladders, power grid equipment, telecommunication devices, traffic infrastructure equipment, and steel structures.

Our telecommunication equipment products include:

- Telecommunication Poles
- Telecommunication Accessories
- Telecommunication Electrical Cabinets
- Security Surveillance Camera Poles

Equipped with advanced automated machinery, BHT Group meets the highest project standards. The 83,000 m² BHT Nam Ha factory, under construction and set to operate in Q1 2026, provides a strong foundation for delivering superior quality, timely progress, and large-scale project capability. This marks an important step in strengthening BHT Group's position as a leading manufacturer in the industry.

BHT Group's product quality is affirmed through prestigious certifications such as:

- ASTA Fullrange certification - Full type test.
- ISO 9001:2015 quality management system.
- ISO 14001:2015 environmental management system.
- And many other prestigious awards and certifications.

With the mission of delivering advanced technical solutions, BHT Group has been continuously innovating and improving product quality to best meet customer needs and contribute to the sustainable development of the telecommunications industry.

MỤC LỤC

Table of contents

1

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT & CHỨNG NHẬN

04

Production technology & Certification

- 1.1 Công nghệ & Quy trình sản xuất 04
Technology & manufacturing process
- 1.2 Chứng nhận 07
Certification

2

TRỤ CHO NGÀNH VIỄN THÔNG

10

Poles for the telecommunications industry

- 2.1 Cột monopole 10
Monopole tower
- 2.2 Trụ tự đứng 11
Self-supporting monopole
- 2.3 Trụ dây co 11
Guyed towers
- 2.4 Trụ trang trí mỹ quan 12
Camouflaged monopole tower

3

THIẾT BỊ LẮP ĐẶT CHO VIỄN THÔNG

13

Installation equipment for telecommunications

4

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN DÀNH CHO NGÀNH VIỄN THÔNG

14

Types of electrical cabinets for the telecommunications industry

- 4.1 Tủ nguồn BTS 14
BTS power cabinet
- 4.2 Tủ sạc ắc quy 15
Battery charger cabinet
- 4.3 Tủ DC 16
Telecom DC distribution cabinet
- 4.4 Tủ rack 17
Rack cabinet
- 4.5 Buồng trạm compact 18
Compact substation
- 4.6 Hộp đấu nối 18
Junction box

5

TRỤ CAMERA AN NINH GIÁM SÁT

19

Security surveillance camera poles

1.1 CÔNG NGHỆ & QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Technology & Manufacturing process

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Manufacturing technology



Công nghệ chấn
Bending technology



Combine 3 trong 1
3 in 1 combine machine



Công nghệ cắt
Cutting technology



Máy cắt laser
Laser cutting machine



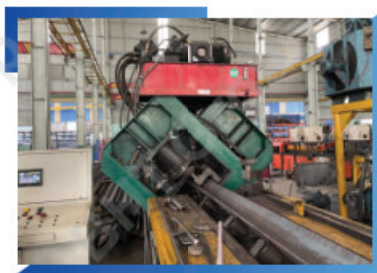
Máy cắt CNC plasma
CNC plasma cutting machine



Máy đột chập thép V
V steel punching machine



Máy đột Dobby
Dobby punching machine



Đột cắt tự động CNC
CNC automatic punch & cut



Mài tự động
Automatic grinding process



Máy hàn hồ quang chìm
Submerged arc welding machine



Máy hàn robot
Robot welding machine



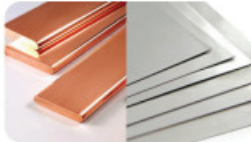
Sơn tĩnh điện
Automatic powder coating

1.1 CÔNG NGHỆ & QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Technology & Manufacturing process

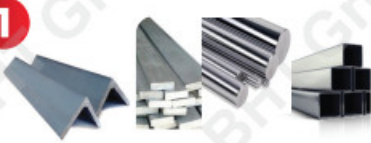
QUY TRÌNH SẢN XUẤT TỦ ĐIỆN

Electrical accessories manufacturing process

1  Chuẩn bị vật liệu: Thép tấm, thanh đồng Prepare material: Steel plate, copper bar	2  Quy trình cắt Cutting process	3  Quy trình đột Punching process
4  Quy trình chấn Bending process	5  Quy trình hàn Welding process	6  Vệ sinh công nghiệp Industrial hygiene
7  Quy trình sơn tĩnh điện Electrostatic painting process	8  Quy trình lắp ráp Assembly process	9  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

QUY TRÌNH SẢN XUẤT PHỤ KIỆN VIỄN THÔNG

Telecommunications accessories manufacturing process

1  Chuẩn bị: thép V, thép la, thép tròn phi, thép vuông Prepare: V, steel flat bar, round steel, square steel tube	2  Quy trình chặt, đột đa năng Bending process, multi-purpose punch	3  Quy trình đột Punching process
4  Uốn tạo hình Roll forming process	5  Đập hình Stamping forming process	6  Hàn robot Robotic welding process
7  Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanizing process	8  Lắp ráp Assembly process	9  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

1.1 CÔNG NGHỆ & QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Technology & Manufacturing process

QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRỤ THÉP

Steel poles manufacturing process

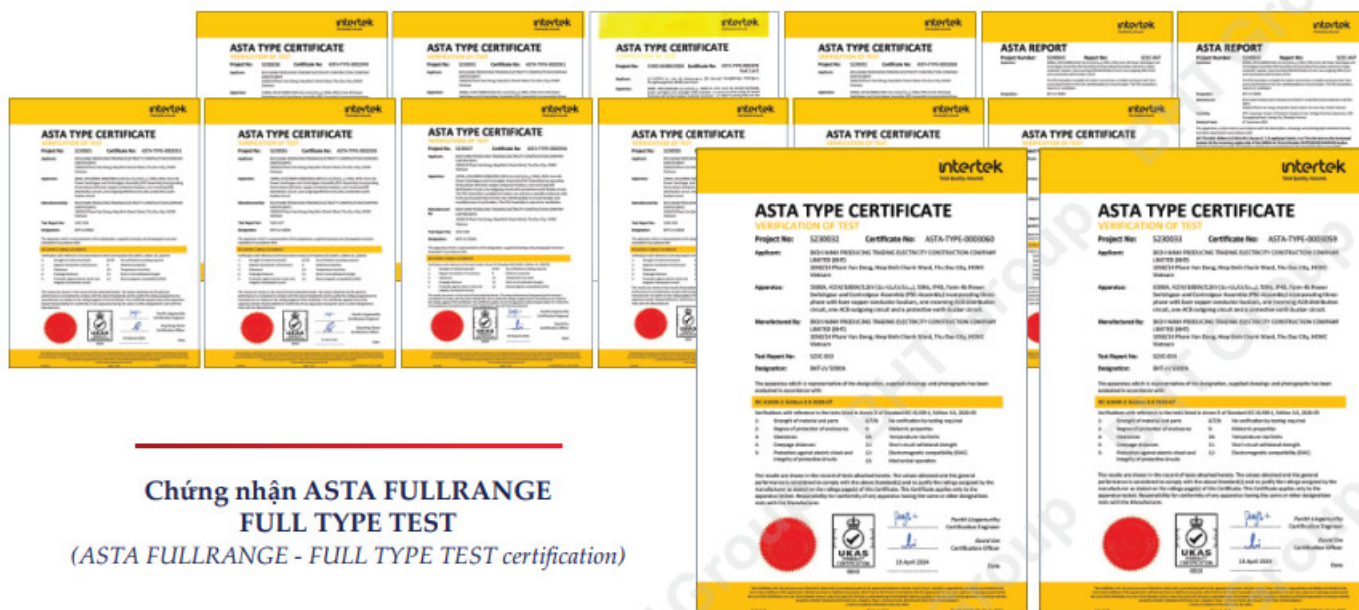
1  Chuẩn bị: Thép tấm & thép hình V Prepare material: Steel plate & V shaped steel	2  Đột cắt tự động CNC Punching - CNC automatic cutting	3  Quy trình hàn Welding process
4  Quá trình lắp ráp thử Trial assembly process	5  Vệ sinh công nghiệp & Mạ kẽm nhúng nóng Industrial hygiene & Hot dip galvanizing process	6  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỘT MONOPOLE

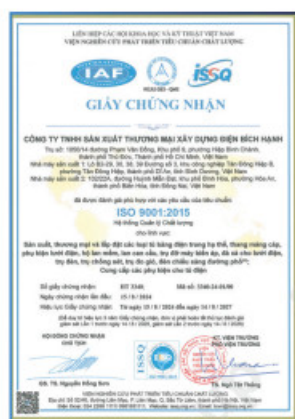
Monopole tower manufacturing process

1  Chuẩn bị vật liệu: Thép cuộn Prepare material: Roll steel	2  Quy trình cán, chặt, xẻ băng Rolling cutting - slitting process	3  Quy trình chấn Bending process
4  Quy trình phay, mài, đánh bóng Milling, grinding, and polishing process	5  Quy trình nắn Light pole straighten process	6  Quy trình hàn hồ quang chìm Light pole shut welding machine process
7  Hàn đế, hàn gông, hàn tai bắt phụ kiện Base plate welding process	8  Vệ sinh công nghiệp Industrial hygiene	9  Mạ kẽm nhúng nóng/son tĩnh điện Hot dip galvanizing/power coating
10  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping		

1.2 CHỨNG NHẬN Certification



Chứng nhận ASTA FULLRANGE FULL TYPE TEST (ASTA FULLRANGE - FULL TYPE TEST certification)



ISO 9001:2015 Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015 Quality Management System



ISO 14001:2015 Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015 Environmental Management System



Sản Phẩm, Dịch Vụ Chất Lượng Siêu Việt Product and Service Certificate Super quality



Chứng nhận Licensed Partner Licensed Partner certificate Susol LV Switchgear - MDB



Chứng nhận Sản Phẩm Tiêu Biểu 2018 Certificate of Typical Products 2018



Chứng nhận độc quyền kiểu dáng công nghiệp Industrial Design Monopoly

Test report



THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



32. KHU VỰC:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Tên mẫu: **THỬ NGHIỆM COVID-19**

2. Mã mẫu: **01**

3. Địa chỉ lấy mẫu: **01**

4. Thời gian lấy mẫu: **01**

5. Địa chỉ phân tích: **01**

6. Ngày xét nghiệm: **01**

7. Ngày nhận kết quả: **01**

8. Địa chỉ phân tích: **01**

9. Địa chỉ phân tích: **01**

10. Địa chỉ phân tích: **01**

STT	CHỈ SỐ CHẨN ĐOÁN BỆNH	CHỈ SỐ CHẨN ĐOÁN BỆNH	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
2	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
3	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
4	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
5	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
6	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
7	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
8	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
9	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01
10	Chỉ số chẩn đoán bệnh	01	01

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thép tấm, dẹt 7 ly
Steel plate, thickness 7 mm



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
HÀNG TRẠNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PHIẾU KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 001-KH/ĐHSPHN-HC/2024

Ngày: 05/05/2024

Trang: 1/1

THỰC NGHIỆM SỐ 1 & 2

01. Tên thực nghiệm: **Thực nghiệm dạy học**

02. Mục đích thực nghiệm: **Thực nghiệm dạy học**

03. Thời gian thực nghiệm: **05/05/2024**

04. Địa điểm thực nghiệm: **Phòng học 101, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

05. Người thực hiện thực nghiệm: **Thầy giáo Nguyễn Văn A**

06. Người giám sát thực nghiệm: **Thầy giáo Nguyễn Văn B**

STT	Tên thực nghiệm, nội dung thực nghiệm	Phương pháp thực nghiệm	Kết quả thực nghiệm	Nhận xét
01	Thực nghiệm dạy học	Phương pháp thực nghiệm	Thực nghiệm dạy học	Thực nghiệm dạy học
02	Thực nghiệm dạy học	Phương pháp thực nghiệm	Thực nghiệm dạy học	Thực nghiệm dạy học

Chữ ký và đóng dấu:

Thầy giáo Nguyễn Văn A

Thầy giáo Nguyễn Văn B

Thép tấm, dẹt 3 ly
Steel plate, thickness 3 mm

[illegible]

Thép V100x100x10 (SS540)
V-angle steel 100×100×10

Test report

[illegible]

Thép V65x65x6
Equal angle steel 65×65×6 mm

 Chào mừng bạn tham gia cuộc thi online English TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TRUỖN SỐ 1 QUẬN QUẬN 8 English COMPETITION & CONTEST 2023 PHIẾU KIỂM TRA THỰC HÀNH TEST REPORT		Ngày thi: Thời gian:
HỌ TÊN HỌC SINH:		
1. Thông tin	HỌ TÊN & SỐ QUÂN	
SỐ QUÂN (MÃ SỐ THAM GIA THI) VÀ SỐ QUÂN KIỂM TRA THỰC HÀNH (MÃ SỐ QUÂN)		
2. Số lượng câu	05	
3. Thời gian	30 phút	
4. Ngày thi online	10/05/2023	
5. Ngày thi offline	10/05/2023	
6. Ngày thi lại	10/05/2023	
7. Ngày thi lại	10/05/2023	
8. Ngày thi lại	10/05/2023	
9. Ngày thi lại	10/05/2023	
10. Ngày thi lại	10/05/2023	
11. Ngày thi lại	10/05/2023	
12. Ngày thi lại	10/05/2023	
13. Ngày thi lại	10/05/2023	
14. Ngày thi lại	10/05/2023	
15. Ngày thi lại	10/05/2023	
16. Ngày thi lại	10/05/2023	
17. Ngày thi lại	10/05/2023	
18. Ngày thi lại	10/05/2023	
19. Ngày thi lại	10/05/2023	
20. Ngày thi lại	10/05/2023	
21. Ngày thi lại	10/05/2023	
22. Ngày thi lại	10/05/2023	
23. Ngày thi lại	10/05/2023	
24. Ngày thi lại	10/05/2023	
25. Ngày thi lại	10/05/2023	
26. Ngày thi lại	10/05/2023	
27. Ngày thi lại	10/05/2023	
28. Ngày thi lại	10/05/2023	
29. Ngày thi lại	10/05/2023	
30. Ngày thi lại	10/05/2023	
31. Ngày thi lại	10/05/2023	
32. Ngày thi lại	10/05/2023	
33. Ngày thi lại	10/05/2023	
34. Ngày thi lại	10/05/2023	
35. Ngày thi lại	10/05/2023	
36. Ngày thi lại	10/05/2023	
37. Ngày thi lại	10/05/2023	
38. Ngày thi lại	10/05/2023	
39. Ngày thi lại	10/05/2023	
40. Ngày thi lại	10/05/2023	
41. Ngày thi lại	10/05/2023	
42. Ngày thi lại	10/05/2023	
43. Ngày thi lại	10/05/2023	
44. Ngày thi lại	10/05/2023	
45. Ngày thi lại	10/05/2023	
46. Ngày thi lại	10/05/2023	
47. Ngày thi lại	10/05/2023	
48. Ngày thi lại	10/05/2023	
49. Ngày thi lại	10/05/2023	
50. Ngày thi lại	10/05/2023	
51. Ngày thi lại	10/05/2023	
52. Ngày thi lại	10/05/2023	
53. Ngày thi lại	10/05/2023	
54. Ngày thi lại	10/05/2023	
55. Ngày thi lại	10/05/2023	
56. Ngày thi lại	10/05/2023	
57. Ngày thi lại	10/05/2023	
58. Ngày thi lại	10/05/2023	
59. Ngày thi lại	10/05/2023	
60. Ngày thi lại	10/05/2023	
61. Ngày thi lại	10/05/2023	
62. Ngày thi lại	10/05/2023	
63. Ngày thi lại	10/05/2023	
64. Ngày thi lại	10/05/2023	
65. Ngày thi lại	10/05/2023	
66. Ngày thi lại	10/05/2023	
67. Ngày thi lại	10/05/2023	
68. Ngày thi lại	10/05/2023	
69. Ngày thi lại	10/05/2023	
70. Ngày thi lại	10/05/2023	
71. Ngày thi lại	10/05/2023	
72. Ngày thi lại	10/05/2023	
73. Ngày thi lại	10/05/2023	
74. Ngày thi lại	10/05/2023	
75. Ngày thi lại	10/05/2023	
76. Ngày thi lại	10/05/2023	
77. Ngày thi lại	10/05/2023	
78. Ngày thi lại	10/05/2023	
79. Ngày thi lại	10/05/2023	
80. Ngày thi lại	10/05/2023	
81. Ngày thi lại	10/05/2023	
82. Ngày thi lại	10/05/2023	
83. Ngày thi lại	10/05/2023	
84. Ngày thi lại	10/05/2023	
85. Ngày thi lại	10/05/2023	
86. Ngày thi lại	10/05/2023	
87. Ngày thi lại	10/05/2023	
88. Ngày thi lại	10/05/2023	
89. Ngày thi lại	10/05/2023	
90. Ngày thi lại	10/05/2023	
91. Ngày thi lại	10/05/2023	
92. Ngày thi lại	10/05/2023	
93. Ngày thi lại	10/05/2023	
94. Ngày thi lại	10/05/2023	
95. Ngày thi lại	10/05/2023	
96. Ngày thi lại	10/05/2023	
97. Ngày thi lại		

Đai bó cáp ĐK 150
Cable clamp Ø150



DYNATECH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM ĐỊNH

Office: 100, rue de la République, 92000 Nanterre, France
 100, rue de la République, 92000 Nanterre, France
 100, rue de la République, 92000 Nanterre, France

Ngày: 10/01/2018
 Thời gian: 10h00 - 12h00

PHƯƠNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu:	Đầu cọc thép S										
2. Mã trạng thái:	01										
3. Mã kiểm tra:	Đầu cọc										
4. Ngày tiếp nhận:	09/01/2018										
5. Ngày trả kết quả:	09/01/2018										
6. Nội dung thử nghiệm:	CÔNG TY TNHH TM VÀ DỊCH VỤ DYNATECH ĐO LƯỜNG ĐẦU CỌC THÁP, ĐẦU CỌC THÁP, ĐẦU CỌC THÁP										
7. Phương pháp thử:	THỬ NGHIỆM ĐÁNH										
8. Địa điểm thử nghiệm:											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;">ĐƠN VỊ THỬ NGHIỆM</td> <td style="width: 30%;">Địa chỉ:</td> <td style="width: 40%;">Mã và tên đơn vị thử nghiệm</td> </tr> <tr> <td>DYNATECH</td> <td>100, rue de la République, 92000 Nanterre, France</td> <td>01/01/2018</td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: center;"> THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH </td> </tr> </table>			ĐƠN VỊ THỬ NGHIỆM	Địa chỉ:	Mã và tên đơn vị thử nghiệm	DYNATECH	100, rue de la République, 92000 Nanterre, France	01/01/2018	THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH		
ĐƠN VỊ THỬ NGHIỆM	Địa chỉ:	Mã và tên đơn vị thử nghiệm									
DYNATECH	100, rue de la République, 92000 Nanterre, France	01/01/2018									
THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH											
THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH THỬ NGHIỆM ĐÁNH											

Giá đỡ cáp chữ E
E-Type cable support

TRỤ CHO NGÀNH VIỄN THÔNG

Poles for the telecommunications industry

- Chịu lực tốt.
- Bền bỉ với thời gian.
- Khả năng chống gió mạnh.
- Dễ dàng lắp đặt.
- Chất liệu chống ăn mòn.
- Tiết kiệm không gian.
- Đảm bảo ổn định tín hiệu.
- Khả năng chống chịu tác động môi trường.
- High load-bearing capacity.
- Durable over time.
- Strong wind resistance.
- Easy to install.
- Corrosion-resistant material.
- Space-saving design.
- Ensures signal stability.
- Resistant to environmental impacts.

2.1 CỘT MONOPOLE

Monopole tower



2.2 TRỤ TỰ ĐỨNG

Self-supporting monopole



Trụ tự đứng tứ giác
Square self-supporting tower



Trụ tự đứng tam giác
Triangular self-supporting tower



2.3 TRỤ DÂY CΟ

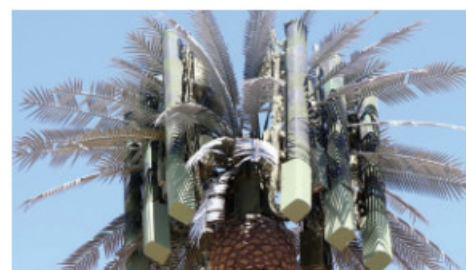
Guyed towers





2.4 TRỤ TRANG TRÍ MỸ QUAN

Camouflaged monopole tower



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG / Standards

TCVN 7385:2012	IEC 61000, IEC 61967
TCVN 11386:2015	ISO/IEC 27001
JIS C 1302, JIS T 5000	ACI 318

3. THIẾT BỊ LẮP ĐẶT CHO VIỄN THÔNG

Installation equipment for telecommunications



Kẹp cáp 2 rãnh 3 lỗ
Guy clamp with 2 slots and 3 holes



Kẹp treo máng cáp
Cable tray hanging clamp



Đai bó cáp
Cable harness



Kẹp nhôm AC
AC aluminum clamp



Dây đai, khóa đai
Belts, belt buckles



Đế ốp
Cladding base



Giá đỡ chữ E
E-shaped bracket



Giá dừng cáp
Cable stop price



Giá đỡ chữ D
D-shaped bracket

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
Kẹp cáp 2 rãnh 3 lỗ Kẹp treo máng cáp Đai bó cáp, Kẹp nhôm AC Dây đai, khóa đai Đế ốp, Giá đỡ chữ E Giá dừng cáp Giá đỡ chữ D	Thép tròn, Thép tấm Inox, Nhôm Round steel, Steel plate Stainless steel, Aluminum	Mạ kẽm nhúng nóng Inox Hot dip galvanized Stainless steel	TCVN 3624-81 TCVN 5408-2007 AS 1154.1 AS 3766 HN 33-S-63 AS/NZS 4396-1999 IEC 61284 NFC 33-020-2013
Guy clamp with 2 slots and 3 holes Cable tray hanging clamp Cable harness, AC aluminum clamp Belts, belt buckles Cladding base E-shaped bracket Cable stop price D-shaped bracket			

4.1 TỦ NGUỒN BTS

BTS power cabinet

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Mechanical specifications

Cấp độ bảo vệ Ingress protection	IP55/IP65
Vật liệu vỏ Material	Thép tấm Steel sheet
Độ dày vỏ tủ (mm) Enclosure thickness	1.5 – 2.5 mm
Lớp phủ bề mặt Surface finish	Sơn tĩnh điện Electrostatic powder coating
Màu sắc Surface color	RAL 7035
Điều kiện làm việc Environment	Trong nhà/ngoài trời Indoor/Outdoor

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐIỆN

Electrical specifications

Tiêu chuẩn Standards	IEC 61439
Điện áp làm việc định mức (Ue) VAC Rated operating voltage	220 VAC $\pm 15\%$
Điện áp cách điện định mức (Ui) V Rated insulation voltage	1000 VDC
Điện áp xung chịu đựng (Uimp) Kv Rated impulse withstand voltage	2.5 – 4 kV
Tần số (Hz) Rated frequency	50/60 Hz
Dòng điện định mức (In A) Rated current	200 A – 800 A
Dòng chịu đựng ngắn hạn (Icw) Rated short-time withstand current	6 – 10 kA/1s
Hệ tiếp địa Earthing system	TN-S/TT



4.2 TỦ SẠC ẮC QUY

Battery charger cabinet

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

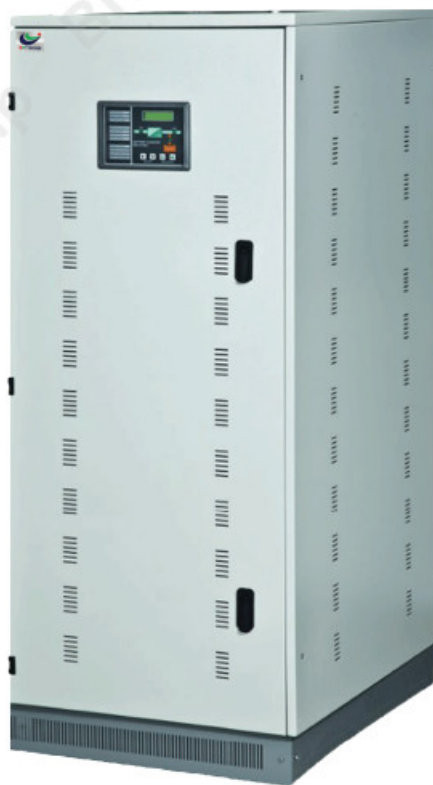
Mechanical specifications

Cấp độ bảo vệ <i>Ingress protection</i>	IP20/IP54
Vật liệu vỏ <i>Material</i>	Thép tấm <i>Steel sheet</i>
Độ dày vỏ tủ (mm) <i>Enclosure thickness</i>	1.5 – 2.0 mm
Lớp phủ bề mặt <i>Surface finish</i>	Sơn tĩnh điện <i>Electrostatic powder coating</i>
Màu sắc <i>Surface color</i>	RAL 7035/RAL 9005
Điều kiện làm việc <i>Environment</i>	Trong nhà/ngoài trời <i>Indoor/Outdoor</i>

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐIỆN

Electrical specifications

Tiêu chuẩn <i>Standards</i>	IEC 61439
Điện áp làm việc định mức (Ue) VAC <i>Rated operating voltage</i>	220 VAC $\pm 15\%$
Điện áp cách điện định mức (Ui) V <i>Rated insulation voltage</i>	1000 VDC
Điện áp xung chịu đựng (Uimp) Kv <i>Rated impulse withstand voltage</i>	2.5 – 4 kV
Tần số (Hz) <i>Rated frequency</i>	50/60 Hz
Dòng điện định mức (In A) <i>Rated current</i>	10 A – 200 A
Dòng chịu đựng ngắn hạn (Icw) <i>Rated short-time withstand current</i>	6 – 10 kA/1s
Hệ tiếp địa <i>Earthing system</i>	TN-S/TT



4.3 TỦ DC

Telecom DC distribution cabinet

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Mechanical specifications

Cấp độ bảo vệ Ingress protection	IP20/IP55
Vật liệu vỏ Material	Thép tấm Steel sheet
Độ dày vỏ tủ (mm) Enclosure thickness	1.2 – 2.0 mm
Lớp phủ bề mặt Surface finish	Sơn tĩnh điện Electrostatic powder coating
Màu sắc Surface color	RAL 7035/RAL 9005
Điều kiện làm việc Environment	Trong nhà/ngoài trời Indoor/Outdoor

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐIỆN

Electrical specifications

Tiêu chuẩn Standards	IEC 61439
Điện áp làm việc định mức (Ue) Rated operating voltage	48 VDC
Điện áp cách điện định mức (Ui) V Rated insulation voltage	1000 VDC
Điện áp xung chịu đựng (Uimp) Kv Rated impulse withstand voltage	6 kV
Tần số (Hz) Rated frequency	N/A (DC system)
Dòng điện định mức (In A) Rated current	200 A – 800 A
Dòng chịu đựng ngắn hạn (Icw) Rated short-time withstand current	6 – 10 kA/1s
Hệ tiếp địa Earthing system	TN-S/TT



Nguồn AC-DC
AC-DC Power Supply



4.4 TỦ RACK

Rack cabinet

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Mechanical specifications

Cấp độ bảo vệ <i>Ingress protection</i>	IP20/IP55
Vật liệu vỏ <i>Material</i>	Thép tấm <i>Steel sheet</i>
Độ dày vỏ tủ (mm) <i>Enclosure thickness</i>	1.2 – 2.0 mm
Lớp phủ bề mặt <i>Surface finish</i>	Sơn tĩnh điện <i>Electrostatic powder coating</i>
Màu sắc <i>Surface color</i>	RAL 7035/RAL 9005
Điều kiện làm việc <i>Environment</i>	Đứng/treo tường <i>Floor standing/wall mounted</i>



4.5 BUỒNG TRẠM COMPACT

Compact sub-station

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Mechanical specifications

Cấp độ bảo vệ <i>Ingress protection</i>	IP 31/42/43/54
Vật liệu vỏ <i>Material</i>	Thép tấm/Inox <i>Steel sheet/Inox</i>
Độ dày vỏ tủ (mm) <i>Enclosure thickness</i>	Up to 2.0mm
Lớp phủ bề mặt <i>Surface finish</i>	Sơn tĩnh điện/mạ kẽm <i>Powder coating/galvanized</i>
Màu sắc <i>Surface color</i>	RAL 7035/RAL 7032
Điều kiện làm việc <i>Environment</i>	Đứng/Ngoài trời <i>Floor standing/Outdoor</i>



4.6 HỘP ĐẦU NỐI

Junction box



5. TRỤ CAMERA AN NINH GIÁM SÁT

Installation equipment for telecommunications





TRỤ SỞ & NHÀ MÁY

Head Office & Factory

TRỤ SỞ CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

1050/14 Đường Phạm Văn Đồng, KP 9, P. Hiệp Bình, TP. HCM.

Phone: 0912 254 419

Email: bht@bht.vn

Liên hệ tư vấn, báo giá: sales@bht.vn

NHÀ MÁY BHT BÌNH DƯƠNG

Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM.

Phone: (0274) 377 6162 - 377 6163

NHÀ MÁY BHT HÓA AN

102/22A Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai.

Phone: (0251) 2860 364

NHÀ MÁY BHT ĐÀ NẴNG

CCN Hòa Nhơn, Xã Bà Nà, TP. Đà Nẵng.

Phone: (0236) 3727 656 - 3727 657

NHÀ MÁY BHT NAM HÀ

CCN Nam Hà 2, Đồng Hà - Gia Huỳnh, Xã Trà Tân, Lâm Đồng.

CHI NHÁNH

Branches

CHI NHÁNH HÀ NỘI: số 25, ngõ 43/19 Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Phone: (024) 3200 1925

CHI NHÁNH NGHỆ AN: Toà nhà An Phát Complex, Đường 72M, TP. Vinh, Nghệ An, Việt Nam.

Phone: 0982 858 290

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG: 234 Đường Nguyễn Trí Phương, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Phone: (0236) 3727 656 - 3727 677

CHI NHÁNH PHÚ YÊN: Căn hộ The Light Phú Yên, 220 Trần Hưng Đạo, P. Tuy Hòa, Đắk Lắk, Việt Nam.

Phone: (0257) 3838 868

CHI NHÁNH NHA TRANG: STH23A-24 đường 1A KĐT Lê Hồng Phong 2, P. Nam Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam.

Phone: (0258) 3875 265

CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT: 191 Mai Hắc Đế, P. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam.

Phone: (0262) 3843 517

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG: Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM, Việt Nam.

Phone: (0274) 3776 162

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI: 102/22A Đường Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Phone: (0251) 2860 364

CHI NHÁNH CẦN THƠ: KDC Đô Thị Mới Hưng Phú, Cái Răng, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

Phone: (0292) 384 6398

CHI NHÁNH PHÚ QUỐC: Villa Phong Nhã 3, KP. Búng Gội, Cửa Dương, Đặc khu Phú Quốc, An Giang, Việt Nam.

Phone: 0903 809 445

